TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST
Ngày: 29/02/2024
"V/v:Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:** Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Văn Sơn**.

- Ông **Nguyễn Sơn Hóa.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lài** – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXX ngày 02/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 29/01/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa",* giữa:

* Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần T.**

Địa chỉ trụ sở: Xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đào Thị Ánh - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Trung, ông Nguyễn Văn Khang; ông Khang có mặt.

* Bị đơn: **Công ty Cổ phần xây dựng C.**

Địa chỉ trụ sở: Phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Trang - Tổng giám đốc. Vắng mặt.

Nơi cư trú: phố Đ, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần T trình bày:

- Công ty Cổ phần T (Trong hợp đồng được gọi là bên B) và Công ty Cổ phần xây dựng C (Trong hợp đồng được gọi là bên A) có ký kết với nhau "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021 về việc cung cấp thép các loại. Sau khi ký hợp đồng hai bên đã tiến hành mua bán với nhau tổng cộng 13 chuyến hàng, Công ty Cổ phần T đã giao đầy đủ hàng hóa và xuất các hóa đơn giá trị gia tăng như sau:

+ Hóa Đơn GTGT số 0019610 ngày 21 tháng 06 năm 2021, giá trị hàng hóa: 1.263.906.820 đồng.

+ Hóa Đơn GTGT số 0019864 ngày 27 tháng 6 năm 2021, giá trị hàng hóa: 506.599.016 đồng.

+ Hóa Đơn GTGT số 0020134 ngày 07 tháng 5 năm 2021, giá trị hàng hóa: 401.198.545 đồng.

+ Hóa Đơn GTGT số 0020901 ngày 31 tháng 7 năm 2021, giá trị hàng hóa: 1.164.001.520 đồng.

+ Hóa Đơn GTGT số 0021010 ngày 05 tháng 8 năm 2021, giá trị hàng hóa: 670.963.590 đồng.

+ Hóa Đơn GTGT số 0021105 ngày 12 tháng 8 năm 2021, giá trị hàng hóa: 607.467.245 đồng.

+ Hóa Đơn GTGT số 0021196 ngày 18 tháng 8 năm 2021, giá trị hàng hóa: 627.879.670 đồng.

+ Hóa Đơn GTGT số 0021229 ngày 19 tháng 8 năm 2021, giá trị hàng hóa: 632.083.100 đồng.

+ Hóa Đơn GTGT số 0021384 ngày 30 tháng 8 năm 2021, giá trị hàng hóa: 648.491.525 đồng

+ Hóa Đơn GTGT số 0021484 ngày 06 tháng 9 năm 2021, giá trị hàng hóa: 215.819.065 đồng

+ Hóa Đơn GTGT số 0021489 ngày 07 tháng 9 năm 2021, giá trị hàng hóa: 603.070.160 đồng

+ Hóa Đơn GTGT số 0021535 ngày 10 tháng 9 năm 2021, giá trị hàng hóa: 271.725.025 đồng

- Tổng giá trị tiền hàng Công ty Cổ phần xây dựng C đã mua của Công ty Cổ phần T là: 7.613.205.281 đồng.

- Từ ngày mua bán đến nay Công ty Cổ phần xây dựng C đã thanh toán cho chúng tôi 14 lần với tổng số tiền là: 7.422.591.031 đồng. Số tiền gốc còn nợ lại là 190.614.250 đồng; cụ thể như sau:

Ngày 23/6/2021 thanh toán 20.000.000đ thanh toán cho chuyến hàng thứ nhất.

Ngày 24/6/2021 thanh toán 1.243.906.820đ thanh toán cho chuyến hàng thứ nhất.

Ngày 30/6/2021 thanh toán 505.999.340đ thanh toán cho chuyến hàng thứ hai.

Ngày 08/7/2021 thanh toán 599.676đ thanh toán cho chuyến hàng thứ hai.

Ngày 08/7/2021 thanh toán 401.198.545đ thanh toán cho chuyến hàng thứ ba.

Ngày 03/8/2021 thanh toán 1.164.001.520đ thanh toán cho chuyến hàng thứ tư.

Ngày 09/8/2021 thanh toán 670.963.590đ thanh toán cho chuyến hàng thứ năm.

Ngày 16/8/2021 thanh toán 607.467.245đ thanh toán cho chuyến hàng thứ sau.

Ngày 20/8/2021 thanh toán 627.879.670đ thanh toán cho chuyến hàng thứ bảy.

Ngày 23/8/2021 thanh toán 623.083.100đ thanh toán cho chuyến hàng thứ tám.

Ngày 01/9/2021 thanh toán 100.000.000đ thanh toán cho chuyến hàng thứ chín.

Ngày 09/9/2021 thanh toán 548.491.525đ thanh toán cho chuyến hàng thứ chín.

Ngày 13/9/2021 thanh toán 400.000.000đ thanh toán cho chuyến hàng thứ mười, còn dư 184.180.935đ thanh toán cho chuyến hàng thứ 11.

Ngày 03/12/2021 thanh toán 200.000.000đ thanh toán cho chuyến hàng và còn nợ lại 218.889.225đ.

Ngày 27/01/2022 thanh toán 300.000.000đ thanh toán cho chuyến hàng thứ 11, còn dư 81.110.775đ thanh toán cho chuyến hàng thứ 12; còn nợ lại 190.614.250đ.

Căn cứ theo thỏa thuận tại "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021. Quá hạn thanh toán bên A phải chịu lãi theo lãi suất 0,054%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn. theo Điều 4 của hợp đồng nói trên.

Căn cứ theo các quy định của pháp luật về thanh toán lãi suất chậm trả

Bên A còn phải trả bên B số tiền là:

- Số tiền gốc còn nợ phải trả: 190.614.250đ
- Số tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/10/2022 là: 96.829.085đ

Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/10/2022 là: 287.443.335 đ *(Hai trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng).*

(Quá trình mua bán, thanh toán và tính lãi được thể hiện tại bản "Xác nhận nợ gốc và lãi chậm trả" gửi kèm).

Từ khi Công ty Cổ phần xây dựng C mua hàng tới nay, chúng tôi đã đến đôn đốc, nhắc nhở đòi nợ rất nhiều lần, gọi điện thoại, gửi công văn, văn bản đề nghị thanh toán nhưng Công ty Cổ phần xây dựng C không thanh toán, gây khó khăn, thiệt hại cho chúng tôi.

Vì vậy chúng tôi làm đơn này, kính đề nghị Tòa án nhân dân Quận H thụ lý giải quyết và xét xử: Buộc Công ty Cổ phần xây dựng C phải trả cho chúng tôi số tiền 287.443.335 đồng (*Hai trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng)* nêu trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 10/10/2022 để đơn vị chúng tôi tháo gỡ khó khăn, đỡ phần thua lỗ, đồng thời đảm bảo hạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Buộc Công ty Cổ phần xây dựng C phải chịu toàn bộ án phí.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần xây dựng C thanh toán số nợ gốc 190.614.250đ, tiền lãi tính đến ngày 29/02/2024 với tổng số tiền lãi chậm trả là 149.015.454 đồng;

Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 339.629.704đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi hai mươi chín nghìn, bảy trăm linh bốn đồng). Kể từ ngày sau khi xét xử sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả cho nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần xây dựng C phải chịu toàn bộ án phí.

- *Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa*, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành các thông báo của Tòa án. Bị đơn không chấp hành và đều vắng mặt.

+ Toà án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015. Tuy nhiên vì lý do khách quan nên chỉ rút kinh nghiệm tại phiên tòa, không kiến nghị nội dung này.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định Hợp đồng mua bán hàng hóa, "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021 về việc cung cấp thép các loại và hóa đơn thanh toán giữa Công ty Cổ phần T và Công ty Cổ phần xây dựng C đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật do vậy có hiệu lực thi hành với các bên.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền còn thiếu của Hợp đồng mua bán hàng hóa, "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021, Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/02/2024 là: 339.629.704đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi hai mươi chín nghìn, bảy trăm linh bốn đồng). Trong đó nợ gốc 190.614.250đ, tiền lãi chậm trả là 149.015.454 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Công ty Cổ phần T khởi kiện Công ty Cổ phần xây dựng C theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021 về việc cung cấp thép các loại; bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng C có địa chỉ trụ sở tại: Phố Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng C cũng như người đại diện theo pháp luật của công ty, tuy nhiên bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng C và người đại diện theo pháp luật không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T và các buổi làm việc Công ty Cổ phần xây dựng C cũng như người đại diện theo pháp luật của công ty đều vắng

mặt không có lý do, nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

{2}. Về nội dung vụ án:

{2.1}. Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty Cổ phần T và Công ty Cổ phần xây dựng C có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa, "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa, "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa, "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021, đối chiếu giá trị hàng hóa cũng như hóa đơn mà Nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở để xác định bị đơn đã được nguyên đơn bán hàng hóa là thép xây dựng cho Công ty Cổ phần xây dựng C. Hai bên cũng đã có Biên bản giao nhận hàng hóa và Công ty Cổ phần xây dựng C đã ký xác nhận khối lượng giá trị hàng hóa là thép xây dựng mà Công ty Cổ phần T đã giao có Tổng giá trị tiền hàng Công ty Cổ phần xây dựng C đã mua của Công ty Cổ phần T là: 7.613.205.281 đồng; là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, vì vậy Hợp đồng mua bán hàng hóa, "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021 có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành. HĐXX nhận thấy có đủ căn cứ buộc Công ty Cổ phần xây dựng C phải thanh toàn cho Công ty Cổ phần T số tiền là còn nợ gốc là 190.614.250đ đồng (Bốn trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng);

Đối với lãi suất Công ty Cổ phần T yêu cầu; Căn cứ theo thỏa thuận tại Điều 4 của "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021. Quá hạn thanh toán bên A phải chịu lãi theo lãi suất 0,054%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn. Tính đến ngày 29/02/2024 đối chiếu với bảng tính lãi do phía nguyên đơn xuất trình là có căn cứ với tổng số tiền lãi chậm trả là 149.015.454 đồng; Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn như trên cần được chấp nhận.

Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 339.629.704đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi hai mươi chín nghìn, bảy trăm linh bốn đồng).

{2.3} Về án phí và quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần xây dựng C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1.4 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Công ty Cổ phần xây dựng C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 339.629.704đ x 5% = 16.981.485đ. (Mười sáu triệu, chín trăm tám mươi mốt nghìn, bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Công ty Cổ phần T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty Cổ phần T số tiền 7.100.000đ (Bảy triệu, một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003186 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 430; Điều 433; Điều 434; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24; 34; 50; 55 Luật Thương mại năm 2019;

Căn cứ điểm b khoản 1.4 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T.

Buộc Công ty Cổ phần xây dựng C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T với tổng số tiền là 339.629.704đ (Ba trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi hai mươi chín nghìn, bảy trăm linh bốn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 190.614.250đ đồng, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 29/02/2024 nlà 149.015.454 đồng; theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, "Hợp Đồng Nguyên Tắc" số 06/CTK02/HNICC-HN/2021 ngày 15/6/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần xây dựng C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.981.485đ (Mười sáu triệu, chín trăm tám mươi mốt nghìn, bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Trả lại Công ty Cổ phần T số tiền 7.100.000đ (Bảy triệu, một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003186 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Cổ phần xây dựng C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương